| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 20 - 9 - 2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Trần Huệ;
2. Bà Trần Thị Chín;
***- Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Anh Dũng – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp: Ly hôn.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa:
*1. Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1994
Nơi đăng ký thường trú: Thôn 8, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 8, xã Th, tỉnh Đồng Nai)
Nơi cư trú: số 5, ngách 84, ngõ 32, Đỗ Đức D, TDP số 2, Mễ Trì H, phường Mễ Tr, quận Nam Từ L, Hà Nội (nay là số 5, ngách 84, ngõ 32, Đỗ Đức D, TDP số 2, Mễ Trì H, phường Từ L, TP. Hà Nội)
*2. Bị đơn:* anh Lý Văn V; sinh năm: 1990
Nơi cư trú: Thôn 8, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 8, xã Th, tỉnh Đồng Nai)
*(Nguyên đơn vắng mặt và yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lý Văn V tìm hiểu, tự nguyện tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 28/2012, ký ngày 25/6/2012. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Lý Văn V không chịu khó làm ăn, mãi mê chơi game, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Khi về nhà thì anh Lý Văn V chửi bới, gây gỗ vợ con và đập phá đồ đạc trong nhà. Chị đã nhiều lần bỏ qua để cùng chăm lo cho con cái nhưng anh Lý Văn V không thay đổi dẫn đến cuộc sống hôn nhân rất mệt mỏi áp lực nên đến năm 2016 thì chị về nhà mẹ sinh sống và ly thân liên tục cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án nhân dân cho chị được ly hôn với anh Lý Văn V.

Về con chung: chị và anh Lý Văn V có 02 con chung là Lý Nhật A, sinh ngày: 09/7/2012 và Lý Thị Anh Th, sinh ngày: 04/9/2015. Thời gian vừa qua hai cháu sống với anh Lý Văn V nên chị có nguyện vọng tiếp tục giao hai con cho anh Lý Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lý Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Lý Văn V trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước. Năm 2017 chị Nguyễn Thị V xin về chăm sóc bố bị ốm. Anh mang con về quê để đón chị Nguyễn Thị V về nuôi con nhưng chị Nguyễn Thị V không đồng ý. Từ đó cho đến nay không về lại Bù Đăng nữa dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là Lý Nhật A, sinh ngày: 09/7/2012 và Lý Thị Anh Th, sinh ngày: 04/9/2015. Anh có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu.

Về cấp dưỡng: yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị V cấp dưỡng nuôi hai con là 6.000.000đ/ 1 tháng/ 2 cháu.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V về việc ly hôn với anh Lý Văn V.

Về con chung: Giao Lý Nhật A, sinh ngày: 09/7/2012 và Lý Thị Anh Th, sinh ngày: 04/9/2015 cho anh Lý Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Lý Nhật A và Lý Thị Anh Th. Mức cấp dưỡng là 2.480.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu. Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị V (là nguyên đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh Lý Văn V (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị V và anh Lý Văn V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị V khai nhận chị và anh Lý Văn V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2012, ký ngày 25/6/2012. Lời khai của chị Nguyễn Thị V phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 04). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lý Văn V là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị V: quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị V khai nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Lý Văn V thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn. Ngoài ra, anh Lý Văn V nhiều lần chửi bới, gây gỗ vợ con, đánh đập tài sản trong gia đình. Anh Lý Văn V không thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của chị. Tuy nhiên, xét thấy, anh Vý Văn Vân và chị Nguyễn Thị V đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, năm 2017 cho đến nay. Việc ly thân của anh chị là liên tục. Như vậy, có đủ cơ sở xác định anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị V có thời gian sống ly thân dài, các bên đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Hiện nay, anh Lý Văn V và chị Nguyễn

Thị V đều có yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó, vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị V.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị V và anh Lý Văn V đều khai nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Lý Nhật A, sinh ngày: 09/7/2012 và Lý Thị Anh Th, sinh ngày: 04/9/2015. Lời khai của chị Nguyễn Thị V, anh Lý Văn V phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Xét, cháu Lý Nhật A (13 tuổi) và cháu Lý Thị Anh Th (10 tuổi) còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Chị Nguyễn Thị V thừa nhận trong thời gian ly thân hai cháu do anh Lý Văn V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai cháu cũng có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lý Văn V và chị Nguyễn Thị V cũng thống nhất giao hai cháu cho anh Lý Văn Vg trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý, tôn trọng sự lựa chọn của hai cháu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cháu Lý Nhật A và cháu Lý Thị Anh Th cho anh Lý Văn V trực tiếp nuôi dưỡng

[5] Về cấp dưỡng: anh Lý Văn V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị V cấp dưỡng nuôi hai con là 6.000.000đ/ 1 tháng/ 2 cháu. Chị Nguyễn Thị V đồng ý cấp dưỡng 02 con với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu. Xét, tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của anh Lý Văn V.

Xét mức cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án anh Lý Văn V không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế của chị Nguyễn Thị V cũng như không cung cấp tài liệu chứng minh số tiền cần thiết để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của hai cháu nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Lý Văn V. Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hôi đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".* Chị Nguyễn Thị V đang cư trú tại phường Mễ Tr, Nam Từ L, Hà Nội thuộc vùng số 01. Nghị định 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/6/2025, mức lương tối thiểu vùng I là 4.960.000 đồng/tháng. Do đó, chị Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con là 2.480.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

[6] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Về án phí: Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Lý Văn V

Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2012, ký ngày 25/6/2012 của Uỷ ban nhân dân xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao Lý Nhật A, sinh ngày: 09/7/2012 và Lý Thị Anh Th, sinh ngày: 04/9/2015 cho anh Lý Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nguyễn Thị V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Lý Nhật A và Lý Thị Anh Th. Mức cấp dưỡng là 2.480.000đ / 1 tháng/ 1 cháu.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật

4. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009848 lập ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Nai) *(đã nộp xong).*

7. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Thị Phương Hạnh**